

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN JBC VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN JBC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: JBC VIET NAM GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: JBC GROUP .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108265731

3. Ngày thành lập: 09/05/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 105 quốc lộ 3, tổ 3, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
2.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động dạy về tôn giáo; và hoạt động của các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
3.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
4.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
5.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
6.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
7.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
8.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
9.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
10.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
11.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
12.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
13.	Phá dỡ	4311
14.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
15.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
16.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210

17.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
18.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
19.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
20.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
21.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
22.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
23.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
24.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
25.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
26.	Trồng cây hàng năm khác	0119
27.	Trồng cây ăn quả	0121
28.	Trồng cây hồ tiêu	0124
29.	Trồng cây cao su	0125
30.	Trồng cây chè	0127
31.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
32.	Trồng cây lâu năm khác	0129
33.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
34.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
35.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
36.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
37.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
38.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
39.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
40.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
41.	Sản xuất rượu vang	1102
42.	Sản xuất sợi	1311
43.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
44.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
45.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
46.	In ấn (trừ các hoạt động Nhà nước cấm)	1811
47.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
48.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
49.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
50.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
51.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
52.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
53.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
54.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

55.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
56.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
57.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
58.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
59.	Quảng cáo	7310
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Điều 28 Luật thương mại 2005);	8299
61.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
62.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
63.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
64.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
65.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
66.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
67.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
68.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
69.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
70.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
71.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
72.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
73.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
74.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
75.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
76.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
77.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
78.	Xây dựng công trình công ích	4220
79.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
80.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
81.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
82.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
83.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
84.	Đại lý, môi giới, đấu giá (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4610
85.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ bán buôn động vật sống)	4620

86.	Bán buôn gạo	4631
87.	Bán buôn thực phẩm	4632
88.	Bán buôn đồ uống	4633
89.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
90.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
91.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
92.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
93.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
94.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
95.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
96.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
97.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh vàng);	4773
98.	Trồng cây điều	0123
99.	Trồng cây cà phê	0126
100.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	6820
101.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
102.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
103.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
104.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
105.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4791
106.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
107.	Trồng cây lấy sợi	0116
108.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
109.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
110.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
111.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
112.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, kế toán, kiểm toán, tư vấn chứng khoán);	7020

113.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội, ngoại thất; - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; - Thiết kế kết cấu công trình; - Thiết kế điện - cơ điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước; - Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; - Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; - Thiết kế phòng cháy - chữa cháy; (Điều 48 Nghị định 59/2015/NĐ-CP) - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ. (Theo Điều 49 Nghị định 59/2015/NĐ-CP) - Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình (Theo Điều 46 Nghị định 59/2015/NĐ-CP); - Tư vấn quản lý dự án (Điều 20 Nghị định 59/2015/NĐ-CP);	7110
114.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
115.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320

6. Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HOÀNG NGỌC THU	Xóm Trại, Xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	25.000.000.000	25,000	012080694	
			Tổng số	250.000	25.000.000.000	25,000		
2	NGUYỄN PHƯƠNG THÚY	Tổ 4, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	40.000.000.000	40,000	001184004798	
			Tổng số	400.000	40.000.000.000	40,000		
3	LỤC TIẾN DŨNG	Số 66 phố Hàng Buồm, Phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	10.000.000.000	10,000	B3937490	
			Tổng số	100.000	10.000.000.000	10,000		

4	TRẦN VĂN DU	Xóm 7b, Xã Kim Chính, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	25.000.000.000	25,000	164323067	
			Tổng số	250.000	25.000.000.000	25,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN PHƯƠNG THÚY

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 16/01/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001184004798

Ngày cấp: 07/01/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 4, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 4, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội